

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2021.

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Võ Chắt**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Văn Được và bà Phạm Thị Phiến.**

- Thư ký phiên tòa: **Bà Đỗ Thị Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: **Bà Trần Thị Thủy Hằng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 406/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1990 (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Đoàn Ngọc T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng trú tại: tổ 4, khu phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Tôi và ông Đoàn Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau từ năm 2011, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Đồng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước) ngày 16/5/2011. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không cùng quan điểm về cách dạy con, cách sinh hoạt nên vợ chồng hay gây gổ, cãi vã lẫn nhau, chúng tôi đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau, gia đình hai bên cũng can thiệp hòa giải để vợ chồng hòa thuận nhưng không được, đến năm 2019 thì tôi phát hiện ông T có quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay tôi nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được nữa, cuộc sống chung không thể hàn gắn, tình cảm của tôi đối với ông T không còn nên mong Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T.

Về con chung: Tôi và ông T có 01 con chung là cháu Đoàn Nhất P, sinh ngày 15/11/2011. Tại đơn khởi kiện tôi yêu cầu được nuôi con, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, nay tôi chỉ yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đoàn Ngọc T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không có ý kiến, không tham gia hòa giải, vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận cho bà B được ly hôn với ông T.

Về con chung: Giao cháu Đoàn Nhất P, sinh ngày 15/11/2011 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Bà B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà B phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Xác định đây là vụ án “Ly hôn” do bà Nguyễn Thị B đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông Đoàn Ngọc T cư trú tại tổ 4, khu phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh B. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn ông T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản hợp lệ trong suốt quá trình tố tụng nhưng ông T từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại Tòa. Bà B có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà B cho thấy, bà B và ông T tự nguyện chung sống với nhau và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Đồng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước). Do đó, quan hệ hôn nhân này được xác định là hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà B thì sau khi kết hôn bà và ông T chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không cùng quan điểm về cách dạy con, cách sinh hoạt nên vợ chồng hay gây gổ, cãi vã lẫn nhau, bà và ông T đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau, gia đình hai bên cũng can thiệp hòa giải để vợ chồng hòa thuận nhưng không được, đến năm 2019 thì bà phát hiện ông T có quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được nữa, cuộc sống chung không thể hàn gắn, tình cảm của bà đối với ông T không còn nên mong Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông T vắng mặt nên không có lời trình bày. Tại Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân giữa bà B và ông T thì thể hiện “...về tình trạng hôn nhân giữa bà B và ông T như thế nào địa phương không rõ, do không có biểu hiện ra bên ngoài...”. Quá trình hòa giải Tòa án đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng bà B vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu được ly hôn với ông T, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà B và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà B và ông T có 01 con chung là cháu Đoàn Nhất P, sinh ngày 15/11/2011. Tại đơn khởi kiện bà B yêu cầu được nuôi con, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, ngày 04/02/2021 bà B có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, nay bà B chỉ yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ông T vắng mặt, bà B có nguyện vọng được nuôi con chung, tại bản tự khai của mình cháu P đã trên 07 tuổi cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu P cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Việc rút yêu cầu khởi kiện của bà B về việc yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của bà B, không trái quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà B, ông T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227, 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Đoàn Ngọc T.

Về con chung: Giao cháu Đoàn Nhất P, sinh ngày 15/11/2011 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

3. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0025276 ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước.
- VKSND TP Đồng Xoài;
- CC THA DS TP Đồng Xoài;
- UBND phường Tân Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Chất

